

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32518850200000001	TRAN THI NGOC MAI	女	2006-10-13	027306005884	LE 4.14	
2	H32518850200000002	LUU HUONG GIANG	女	2007-10-16	027307010253	LE 4.14	
3	H32518850200000003	NGUYEN HA LINH	女	2008-09-14	027308004302	LE 4.14	
4	H32518850200000004	CHU TU ANH	女	2008-04-24	027308008797	LE 4.14	
5	H32518850200000005	WANG TRAN TRAN	女	2012-12-14	027312005600	LE 4.14	
6	H32518850200000006	PHAM THI PHUONG	女	2002-05-21	030302000829	LE 4.14	
7	H32518850200000007	HA THUY ANH	女	2003-03-24	030303005899	LE 4.14	
8	H32518850200000008	NGUYEN HA TRANG	女	2003-12-14	031303007578	LE 4.14	
9	H32518850200000009	LE THI YEN NHI	女	2004-08-04	034304001064	LE 4.14	
10	H32518850200000010	HOANG KHANH LINH	女	2008-10-10	034308012599	LE 4.14	
11	H32518850200000011	NGUYEN HA ANH	女	2009-06-01	034309002243	LE 4.14	
12	H32518850200000012	DO THI DUONG QUYNH	女	2001-01-03	035301003705	LE 4.14	
13	H32518850200000013	NGO DUC KHUONG	男	1999-05-04	036099008150	LE 4.14	
14	H32518850200000014	VU THI THANH HIEN	女	2004-10-11	036304001482	LE 4.14	
15	H32518850200000015	LUONG THI THUY TRANG	女	2004-04-01	036304002740	LE 4.14	
16	H32518850200000016	PHAM THI HUONG	女	2000-11-21	038300012095	LE 4.14	
17	H32518850200000017	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2003-12-14	038303002128	LE 4.14	
18	H32518850200000018	TRAN THI YEN NHI	女	2000-08-07	042300006306	LE 4.14	
19	H32518850200000019	TRAN NGOC HAN	女	2009-01-26	042309010482	LE 4.14	
20	H32518850200000020	HO THI THUONG	女	2001-08-22	051301003072	LE 4.14	
21	H32518850200000021	BUI TIEN DUC	男	1980-01-06	079080016010	LE 4.14	
22	H32518850200000022	TRAN QUOC KHANH	男	2003-04-21	079203038589	LE 4.14	
23	H32518850200000023	DANG NGUYEN THIEN PHUC	男	2003-07-02	083203002190	LE 4.14	
24	H32518850200000024	VO PHAN TUAN KIET	男	2003-02-21	087203000026	LE 4.14	
25	H32518850200000025	TRAN NAM HOAN	男	1995-01-16	286095000009	LE 4.14	
26	H32518850200000026	NGUYEN THUY LINH	女	2008-05-31	E03339860	LE 4.14	
27	H32518850200000027	LE THI KIEU TRANG	女	2003-08-14	035303002924	LE 4.14	
28	H32518850200000028	NGUYEN THU HONG	女	2003-12-05	038303009081	LE 4.14	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32518850200000029	NGUYEN VAN THANH	男	2008-03-17	024208013364	LE 5.17	
2	H32518850200000030	NGUYEN MANH HUY	男	2009-06-16	024209000778	LE 5.17	
3	H32518850200000031	PHUONG MINH HOA	女	2003-01-14	024303003002	LE 5.17	
4	H32518850200000032	NGUY THI GIANG	女	2003-12-12	024303006991	LE 5.17	
5	H32518850200000033	PHAM THI TAM	女	2007-12-28	024307002097	LE 5.17	
6	H32518850200000034	VU THI LAN ANH	女	2008-07-30	024308004634	LE 5.17	
7	H32518850200000035	NGUYEN NGOC HUYEN TRAM	女	2008-12-18	024308006538	LE 5.17	
8	H32518850200000036	NGUYEN THI HAI YEN	女	2008-03-30	024308014619	LE 5.17	
9	H32518850200000037	DANG BAO CHAM	女	2012-09-13	024312009728	LE 5.17	
10	H32518850200000038	DANG THAO CHAM	女	2012-09-13	024312016886	LE 5.17	
11	H32518850200000039	CU VIET ANH	男	2008-09-02	025208003939	LE 5.17	
12	H32518850200000040	TA TRUC UYEN	女	2008-11-22	025308009046	LE 5.17	
13	H32518850200000041	DINH DAN LY	女	2009-10-02	025309013209	LE 5.17	
14	H32518850200000042	NGUYEN TRUNG HIEU	男	2008-11-15	026208013736	LE 5.17	
15	H32518850200000043	HOANG BAO NGAN	女	2008-12-08	026308004207	LE 5.17	
16	H32518850200000044	DAO CAM TU	女	2008-08-01	026308007544	LE 5.17	
17	H32518850200000045	NGUYEN DAO MAI KHANH	女	2009-02-01	026309006605	LE 5.17	
18	H32518850200000046	DO THI ANH TUYEN	女	1993-03-07	027193012340	LE 5.17	
19	H32518850200000047	DOAN DUC HUY	男	2006-10-03	027206000429	LE 5.17	
20	H32518850200000048	NGUYEN THE TRUONG	男	2007-03-31	027207003733	LE 5.17	
21	H32518850200000049	DUONG QUOC HUNG	男	2008-10-07	027208001101	LE 5.17	
22	H32518850200000050	NGUYEN MAI HIEN	女	2008-03-02	027208004163	LE 5.17	
23	H32518850200000051	NGUYEN TIEN DUY	女	2008-04-04	027208008186	LE 5.17	
24	H32518850200000052	TRAN HOANG LAM	男	2008-04-27	027208009069	LE 5.17	
25	H32518850200000053	DUONG TIEN TU	男	2008-10-28	027208011634	LE 5.17	
26	H32518850200000054	NGUYEN NGUYEN PHONG	男	2009-11-03	027209017000	LE 5.17	
27	H32518850200000055	NGUYEN THANH ANH	女	2002-02-03	027302009307	LE 5.17	
28	H32518850200000056	NGUYEN PHUONG MAI	女	2003-07-18	027303009125	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32518850200000057	LAM HONG NHUNG	女	2004-11-22	019304001371	LE 5.18	
2	H32518850200000058	NGUYEN PHUONG THAO	女	2004-12-01	019304007215	LE 5.18	
3	H32518850200000059	LUONG THAO LINH	女	2011-09-01	019311012317	LE 5.18	
4	H32518850200000060	NGUYEN MINH ANH	女	2012-06-18	019312010052	LE 5.18	
5	H32518850200000061	LY VAN NAM	男	2008-06-14	020208004430	LE 5.18	
6	H32518850200000062	CHU MANH HAI	男	2009-01-20	020209001511	LE 5.18	
7	H32518850200000063	HOANG MANH DUY	男	2009-09-13	020209004304	LE 5.18	
8	H32518850200000064	LIEU XUAN HAI	男	2009-10-10	020209009506	LE 5.18	
9	H32518850200000065	CHU THI HA LINH	女	2008-02-19	020308005197	LE 5.18	
10	H32518850200000066	LANG THI DIEU HUONG	女	2008-07-20	020308005233	LE 5.18	
11	H32518850200000067	CHU THI THUONG	女	2008-11-24	020308005360	LE 5.18	
12	H32518850200000068	NONG THI THIEP	女	2008-04-10	020308006759	LE 5.18	
13	H32518850200000069	LIEU LE QUYEN	女	2009-11-29	020309002193	LE 5.18	
14	H32518850200000070	HOANG THI PHUONG THAO	女	2009-02-06	020309002207	LE 5.18	
15	H32518850200000071	CHU THUY HIEN	女	2009-10-10	020309002632	LE 5.18	
16	H32518850200000072	LY THI YEN	女	2009-02-12	020309002743	LE 5.18	
17	H32518850200000073	CHU KHANH NHU	女	2009-08-19	020309005304	LE 5.18	
18	H32518850200000074	HOANG THI THUY TRANG	女	2009-03-18	020309005847	LE 5.18	
19	H32518850200000075	LO THI KHANH LY	女	2009-12-19	020309005995	LE 5.18	
20	H32518850200000076	VI THUY TRANG	女	2009-07-07	020309006025	LE 5.18	
21	H32518850200000077	NONG THI KIEN	女	2009-09-09	020309006671	LE 5.18	
22	H32518850200000078	HOANG THI KIM CHI	女	2009-07-27	020309006884	LE 5.18	
23	H32518850200000079	HOANG VIET HA	女	2005-01-13	022305000044	LE 5.18	
24	H32518850200000080	LE MANH KHANH	男	2002-05-11	024202011350	LE 5.18	
25	H32518850200000081	LUONG HUYNH DUC	男	2003-07-26	024203001852	LE 5.18	
26	H32518850200000082	NGUYEN VAN AN	男	2004-01-03	024204009503	LE 5.18	
27	H32518850200000083	PHAM DINH DUC	男	2005-04-09	024205007455	LE 5.18	
28	H32518850200000084	GIAP NGOC THANH	男	2008-08-20	024208011536	LE 5.18	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 3 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H32518850200000085	PHAN THI PHUONG CHAM	女	1980-03-09	001180009964	LE 5.19	
2	H32518850200000086	DAM HOANG MINH	男	2003-11-02	001203023370	LE 5.19	
3	H32518850200000087	VU LONG HIEU	男	2008-01-06	001208023193	LE 5.19	
4	H32518850200000088	PHAM THU UYEN	女	2003-11-09	001303008890	LE 5.19	
5	H32518850200000089	CHU PHUONG THAO	女	2005-11-17	001305016521	LE 5.19	
6	H32518850200000090	NGUYEN THI TU UYEN	女	2008-03-27	001308004307	LE 5.19	
7	H32518850200000091	NGUYEN MAI MY HANH	女	2008-01-05	001308015820	LE 5.19	
8	H32518850200000092	NGUYEN DANG KHANH AN	女	2008-11-19	001308029131	LE 5.19	
9	H32518850200000093	DOAN THI HUYEN TRANG	女	2008-10-01	001308035030	LE 5.19	
10	H32518850200000094	LE HOANG KHANH NGAN	女	2008-02-22	001308046500	LE 5.19	
11	H32518850200000095	CHAN THI VIEN	女	2008-06-12	002308005237	LE 5.19	
12	H32518850200000096	HA THI HIEU	女	1997-06-18	004197002342	LE 5.19	
13	H32518850200000097	LUC THI YEN	女	2003-05-10	006303000774	LE 5.19	
14	H32518850200000098	HOANG THI KHANH HUYEN	女	2003-09-08	014303002789	LE 5.19	
15	H32518850200000099	TRAN DUY LONG	男	2001-03-04	015201007257	LE 5.19	
16	H32518850200000100	LE THI KIEU OANH	女	1993-08-04	019193000572	LE 5.19	
17	H32518850200000101	TAC THI HUE	女	2003-02-28	019303006151	LE 5.19	
18	H32518850200000102	NGUYEN THI NHUNG	女	2003-08-25	019303009175	LE 5.19	